

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 7 năm 2016

Số: 60 /KH-UBND

Phieu - re (Chieu)

Lưu hồ

KẾ HOẠCH

**Đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông, lâm sản,
sản xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2016-2020**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI; Kết luận Số 30-KL/TU ngày 25/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khoá XVI) về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát triển công nghiệp giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch về đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2016-2020 như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế, tập trung đẩy mạnh phát triển công nghiệp tiếp tục là khâu đột phá; khai thác hợp lý, hiệu quả các nguồn lực cho phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp và làng nghề để công nghiệp nhanh chóng trở thành nền tảng hỗ trợ và thúc đẩy mạnh mẽ các ngành; lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Chú trọng chất lượng tăng trưởng và giá trị gia tăng cao trong phát triển công nghiệp. Khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý, gắn chặt các cơ sở chế biến với các vùng nguyên liệu, thúc đẩy phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống của nhân dân và xây dựng nông thôn mới.

2. Yêu Cầu

Kế hoạch phải bám sát với mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 tỉnh Tuyên Quang (Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang). Đảm bảo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, đồng thời phải được theo dõi, đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện một cách thường xuyên để điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu từng thời kỳ.

Các cấp, các ngành xây dựng kế hoạch cụ thể, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội từ nay đến năm 2020.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu đến năm 2020

Phần đầu giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) đạt trên 17.600 tỷ đồng. Trong đó: Công nghiệp chế biến nông, lâm sản đạt: 5.949 tỷ đồng; Công

ngành sản xuất vật liệu xây dựng đạt: 2.430 tỷ đồng; Ngành công nghiệp cơ khí, luyện kim và công nghiệp hỗ trợ đạt: 4.868 tỷ đồng...

Duy trì những ngành công nghiệp chế biến tạo ra sản phẩm có hàm lượng công nghệ thấp ở mức hợp lý, phù hợp với các điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh, đồng thời khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp sản xuất ra sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao nhưng đảm bảo các yếu tố môi trường, nhất là những sản phẩm sử dụng tài nguyên sẵn có của địa phương.

Thu hút, tập trung đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản đồng bộ với phát triển vùng nguyên liệu, gắn kết hài hòa lợi ích giữa nhà máy chế biến với người trồng nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp hỗ trợ, giấy da, điện tử.

Một số sản phẩm chính phấn đấu đến năm 2020: Bột giấy đạt 70.000 tấn; Giấy tráng phấn cao cấp đạt trên 140.000 tấn; Xi măng đạt trên 1,15 triệu tấn; Đường kính đạt trên 100.000 tấn; Chè chế biến đạt trên 13.600 tấn; Silicon mangan đạt trên 17.000 tấn; Bột barit đạt trên 100.000 tấn; Bột Kaolin-Fenspat đạt trên 470.000 tấn; ... để tập trung nguồn lực, xây dựng trở thành các sản phẩm có chất lượng cao, cạnh tranh trên thị trường. Bên cạnh các dự án đã thu hút đầu tư và triển khai trong giai đoạn 2011-2015, thu hút thêm dự án xây dựng Nhà máy lắp ráp và chế tạo cơ khí công suất 20.000 tấn/năm, Nhà máy Lắp ráp điện tử công suất 2.000 triệu sản phẩm/năm.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Công nghiệp chế biến nông, lâm sản:

Tập trung phát triển năng lực chế biến bằng công nghệ tiên tiến, liên kết chặt chẽ giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm với vùng nguyên liệu theo chuỗi giá trị, đảm bảo gia tăng giá trị sản phẩm và phát triển bền vững. Đầu tư nâng công suất 2 nhà máy đường hiện có lên 12.000 tấn mía cây/ ngày, Thu hút đầu tư xây dựng 3 cơ sở chế biến chè đặc sản tập trung tại các huyện Na Hang, Lâm Bình.

2.2. Công nghiệp cơ khí, luyện kim và công nghiệp hỗ trợ:

Tạo môi trường thuận lợi thu hút các dự án về cơ khí chế tạo, luyện kim trong thời gian tới, qua đó dần từng bước phát triển hệ thống các doanh nghiệp cơ khí, luyện kim vững mạnh. Đồng thời chú trọng phát triển công nghiệp hỗ trợ, trong đó tập trung vào phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phát triển các ngành sản xuất máy móc, dụng cụ đạt chất lượng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sửa chữa máy móc thiết bị, chế tạo công cụ thay thế, sản xuất nông cụ.

2.3. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng:

Tiếp tục đầu tư mới một số cơ sở sản xuất gạch tại các huyện, kết hợp đầu tư mở rộng nâng công suất của một số cơ sở theo hướng sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu về vật liệu xây dựng trên địa bàn. Chú trọng các dự án sản xuất vật liệu mới như: gạch không nung, gạch granít, vật liệu composite, bê tông nhẹ... Duy trì công suất khai thác đá vôi, thăm dò bổ sung quy hoạch và cấp phép khai thác nguồn nguyên liệu sét phục vụ sản xuất xi măng kết hợp đầu tư nâng

cấp máy móc thiết bị khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhà máy xi măng.

2.3. Công nghiệp cơ khí, luyện kim và công nghiệp hỗ trợ:

Tạo môi trường thuận lợi thu hút các dự án về cơ khí chế tạo, luyện kim trong thời gian tới, qua đó dần từng bước phát triển hệ thống các doanh nghiệp cơ khí, luyện kim vững mạnh. Đồng thời chú trọng phát triển công nghiệp hỗ trợ, trong đó tập trung vào phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phát triển các ngành sản xuất máy móc, dụng cụ đạt chất lượng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sửa chữa máy móc thiết bị, chế tạo công cụ thay thế, sản xuất nông cụ...

3. Giải pháp

3.1. Giải pháp cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường Đầu tư, Kinh doanh.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng nhanh gọn, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, các nhà đầu tư; thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính, kiểm tra, rà soát sự cần thiết, tính hợp pháp, hợp lý của các thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh.

- Công khai danh mục thủ tục hành chính, địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính tại trụ sở làm việc và công thông tin điện tử theo quy định. Xây dựng và sử dụng thông nhất biểu mẫu điện tử trong giao dịch giữa cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức và cá nhân, đáp ứng yêu cầu đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước, phát huy tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành trên cơ sở phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, của mỗi cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước. Bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất và thông suốt.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền cải cách hành chính bằng nhiều hình thức. Hình thành cơ sở dữ liệu đối với quá trình cải cách hành chính để đối chiếu, so sánh, đánh giá, điều chỉnh.

- Thực hiện tốt quy chế phối hợp, duy trì đối thoại hàng năm giữa doanh nghiệp với các cơ quan hành chính nhà nước để tìm giải pháp giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp.

3.2. Giải pháp về cải thiện môi trường và thu hút đầu tư:

- Tiếp tục thực hiện các chính sách đầu tư, ưu đãi đầu tư đang được thực hiện trên địa bàn tỉnh. Rà soát, điều chỉnh, nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích thu hút đầu tư vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, chính sách khuyến công. Xây dựng, ban hành chính sách về giá thuê đất đầu tư khu, cụm công nghiệp.

3.3. Giải pháp về vốn:

- Thực hiện đầy đủ các chính sách thu hút đầu tư dưới nhiều hình thức; tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước của các nhà đầu tư thực hiện các dự án cụ thể để phát triển công nghiệp theo quy hoạch, định hướng của

tỉnh; huy động nguồn vốn của các tổ chức tín dụng trên địa bàn và trong nhân dân đáp ứng cho các dự án ưu tiên của tỉnh.

- Sử dụng vốn ngân sách của địa phương và các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, huy động nguồn vốn của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước tham gia thành lập và đầu tư vào hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, bao gồm các hạng mục: đền bù, giải phóng mặt bằng; đường giao thông nội bộ; hệ thống cấp thoát nước nội bộ; các công trình xử lý nước thải, chất thải tập trung.

- Phát huy mọi nguồn lực của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, tận dụng tối đa có hiệu quả các gói kích cầu của Chính phủ, bằng cách tạo điều kiện để các doanh nghiệp tiếp cận và thụ hưởng để thu hút các nhà đầu tư xây dựng hạ tầng và đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và bố trí ngân sách đủ để thực hiện chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư và thực hiện thẩm tra, cấp ưu đãi đầu tư cho các dự án nhanh chóng. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa được vay vốn ưu đãi của nhà nước theo tiến độ của dự án.

3.4. Giải pháp về đất đai và phát triển cơ sở hạ tầng:

- Tăng cường hiệu lực của các quy định pháp luật về chính sách đất đai, kết hợp giữa biện pháp thuyết phục, tuyên truyền ý thức pháp luật với các biện pháp hành chính trong thu hồi đất, đặc biệt là những khu vực và các địa bàn nhạy cảm dự kiến sẽ có những khó khăn khi thu hồi đất để đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp.

- Công khai dự án, phương án tổng thể xây dựng các khu, cụm công nghiệp và phương án bồi thường, hỗ trợ, giải quyết hài hòa quyền lợi của người bị thu hồi đất. Đảm bảo được sự đồng bộ về cơ chế, chính sách sát với thực tiễn.

- Thu hút đầu tư phát triển hệ thống giao thông đến các khu, cụm công nghiệp, đảm bảo kết nối nội vùng và liên vùng trong tỉnh, các tỉnh lân cận và hệ thống giao thông quốc gia. Trước mắt ưu tiên cho công trình có tính lan tỏa, kết nối các phương thức vận tải, cá vùng kinh tế trọng điểm, các cửa ngõ đầu mối giao thông quan trọng để tạo động lực phát triển kinh tế-xã hội và thu hút đầu tư.

3.5. Giải pháp về khoa học và công nghệ:

- Nghiên cứu, lựa chọn, tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp nhà nước, cấp tỉnh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng và công nghệ hỗ trợ; xây dựng và tổ chức thực hiện “Chương trình ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực và đặc sản trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020”.

- Tập trung đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, đổi mới công nghệ, khuyến khích sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, công nghệ xanh thân thiện với môi trường trong các cơ sở sản xuất công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng và công nghệ hỗ trợ.

- Đổi mới và nâng cấp dây chuyền công nghệ...; ứng dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO, HACCP...) trong hoạt động sản xuất, kinh

doanh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa trên thị trường.

- Khuyến khích các doanh nghiệp chế biến chế đổi mới dây chuyền công nghệ hiện đại để sản xuất các mặt hàng phù hợp với yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu; giảm nhanh các sản phẩm sơ chế, tăng nhanh các sản phẩm tinh chế có giá trị gia tăng cao, đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

- Ứng dụng công nghệ lên men, công nghệ sinh học và vi sinh trong chế biến nông, lâm sản, xử lý nước thải, chất thải rắn trong sản xuất.

3.6. Giải pháp bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường tại tất cả các đơn vị sản xuất, các khu, cụm công nghiệp trong tỉnh; đánh giá đầy đủ các nguồn gây ô nhiễm môi trường trong sản xuất để thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm; khuyến khích ngăn chặn ô nhiễm từ nguồn và áp dụng công nghệ sạch, công nghệ thân thiện với môi trường theo quy định; hỗ trợ kỹ thuật cho công tác quan trắc, thanh tra và quản lý môi trường.

- Ưu tiên các dự án có công nghệ sản xuất hiện đại, công nghệ cao, không hoặc ít gây ô nhiễm môi trường, công nghệ sản xuất sạch hơn, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng.

- Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng Luật bảo vệ Môi trường; xây dựng hệ thống quản lý môi trường cho khu, cụm công nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ để xử lý triệt để ô nhiễm môi trường hoặc di dời vào các khu, cụm công nghiệp.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận vốn vay ưu đãi từ ngân hàng phát triển, quỹ bảo vệ môi trường cho các dự án đầu tư, ngăn ngừa, giảm thiểu xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường, khắc phục sự cố môi trường trong các khu, cụm công nghiệp.

3.7. Giải pháp về đào tạo, sử dụng lao động:

- Phát triển đồng bộ các trường dạy nghề trên địa bàn với trang thiết bị hiện đại, đảm bảo tính cân đối giữa dạy lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người lao động sau đào tạo có thể sớm phát huy được kiến thức đào tạo trong thực tiễn; đa dạng hóa và mở rộng các hình thức hợp tác trong đào tạo nguồn nhân lực theo hướng gắn kết giữa cơ sở đào tạo với các nhà máy; hỗ trợ việc dạy nghề và nâng cao tay nghề tại các đơn vị sản xuất từ nguồn kinh phí dạy nghề và khuyến công hàng năm của tỉnh.

- Khuyến khích các tổ chức, đơn vị đào tạo nghề mở các lớp đào tạo nghề gần nơi phát triển các khu, cụm công nghiệp để trực tiếp đào tạo nghề cho những lao động nông nghiệp có đất được chuyển đổi sang sản xuất công nghiệp sẽ góp

phần đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp trong khu, cụm công nghiệp và tạo điều kiện ổn định đời sống, việc làm cho người dân địa phương.

- Tăng cường công tác dịch vụ cung ứng nguồn nhân lực nhằm khơi thông thị trường lao động, tạo điều kiện cho người lao động và người sử dụng lao động dễ dàng tiếp cận được với nhau khi có nhu cầu.

3.8. Giải pháp về thị trường:

- Mở rộng thị trường tiêu thụ kể cả nội địa và xuất khẩu. Phát triển mạnh hệ thống tiếp thị, xúc tiến thương mại. Khuyến khích các thành phần kinh tế trong hoạt động phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Hạn chế sử dụng các biện pháp hành chính để điều tiết dung lượng thị trường, nâng cao sức mua của thị trường để phát triển sản xuất.

- Thông qua các doanh nghiệp để tổ chức hội thảo, xúc tiến đầu tư để phục vụ cho chính doanh nghiệp. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp tham gia hội chợ, hoạt động xúc tiến thương mại;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp sản xuất hỗ trợ để làm cơ sở cho việc giới thiệu, tìm kiếm các mối liên kết; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thị trường, thương mại điện tử. Hỗ trợ cho việc thành lập và hoạt động một số trang Web chuyên ngành công nghiệp hỗ trợ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ngành, các cấp trong tỉnh: quán triệt sâu sắc mục tiêu, định hướng cơ bản và các giải pháp trong Kế hoạch phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp hỗ trợ để có kế hoạch triển khai và chỉ đạo thực hiện.

2. Sở Công Thương: Là đầu mối quản lý Nhà nước về công nghiệp, có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương công bố, tuyên truyền, kiểm tra và giám sát việc thực hiện nội dung của Kế hoạch phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản và sản xuất vật liệu xây dựng. Định kỳ hàng năm báo cáo việc tổ chức thực hiện quy hoạch với UBND tỉnh;

Chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp cụ thể để thực hiện Kế hoạch; Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội tham mưu, đề xuất trình UBND tỉnh điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các ngành liên quan xây dựng và cân đối nguồn vốn đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp trong các kế hoạch hàng năm, dài hạn.

4. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan cân đối và bố trí các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác

trong kế hoạch ngân sách hàng năm để thực hiện có hiệu quả các nội dung của kế hoạch được duyệt.

5. Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương tham mưu, đề xuất, quản lý tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp nhà nước, cấp tỉnh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng và công nghệ hỗ trợ; tổ chức điều tra đánh giá trình độ công nghệ và đề xuất các giải pháp đổi mới công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả và trình độ công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp sản xuất, bảo quản, chế biến các sản phẩm chủ lực của tỉnh; thông tin kịp thời cho các doanh nghiệp về các tiến bộ khoa học và công nghệ, các chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ; hướng dẫn các doanh nghiệp trong việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, xây dựng và phát triển thương hiệu các sản phẩm, hàng hóa, các hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; tham mưu về phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thành lập các đơn vị tư vấn, môi giới và dịch vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

- Chỉ đạo Phòng Kinh tế - hạ tầng, Phòng Kinh tế trong việc thực hiện chức năng cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về công nghiệp.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp xã (phường) hỗ trợ thực hiện công tác thu hồi đất, đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư... để nhanh chóng triển khai thực hiện các dự án công nghiệp trên địa bàn.

7. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với cơ quan chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch./.

Nơi nhận: 

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; (Báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy; (phối hợp chỉ đạo);
- Các sở, ngành thuộc tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- TP: KTCNLN, TH;
- Các CV: CN, ĐC, XD, QH
- Lưu VT-NC (VC.CN)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Thục



PHỤ LỤC 1

MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG, LÂM SẢN SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG, CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 60 /KH-UBND ngày 22 / 7 /2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các nội dung, giải pháp Kế hoạch đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2016-2020	Sở Thông tin và Truyền thông	- Các Sở, ngành liên quan; - Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; - Các cơ quan báo, đài trên địa bàn.	Thường xuyên
2	Tổ chức thực hiện Kế hoạch đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2016-2020	Sở Công Thương	- Các Sở, ngành liên quan; - Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh; - Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; - Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.	Thường xuyên
3	Tăng cường cải cách hành chính trong lĩnh vực thu hút đầu tư và triển khai dự án đầu tư phát triển công nghiệp	Sở Nội vụ	- Các Sở, ngành liên quan; - BQL các khu CN tỉnh; - Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;	Thường xuyên
4	Triển khai hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút các dự án công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp hỗ trợ theo lộ trình	Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh Tuyên Quang	- Các Sở, ngành liên quan; - Ban quản lý các khu	Thường xuyên

			công nghiệp tỉnh; - Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố..	
5	Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020 tỉnh Tuyên Quang	Sở Xây dựng	- Các Sở, ngành liên quan; - Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.	2017
6	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 18/01/2015 của HĐND tỉnh và Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành Bảng giá đất 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Tài Chính	- Các Sở, ngành liên quan; - Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; - Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.	2017
7	Rà soát, bổ sung điều chỉnh Chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Các Sở, ngành liên quan; - Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.	2016
8	Thực hiện sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp thuộc tỉnh Tuyên Quang	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Các Sở, ngành liên quan; - Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.	2016
9	Xây dựng Kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các dự án phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp hỗ trợ	Các Sở: Lao động, Thương binh và Xã hội; Nội vụ	- Các Sở, ngành liên quan; - Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; - Các trường chuyên nghiệp, Trung tâm dạy nghề trên địa bàn tỉnh.	2017

10	Triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; - Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh. 	- Các Sở, ngành liên quan.	2016 - 2020
11	Tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng và công nghệ hỗ trợ	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Các Sở, ngành liên quan; - Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; - Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. 	Hàng năm
12	Thực hiện các đề án khuyến công hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng và công nghệ hỗ trợ	Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Các Sở, ngành liên quan; - Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. 	2016 - 2020

PHỤ LỤC 2
CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHẾ BIẾN NÔNG, LÂM NGHIỆP, SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2016-2020

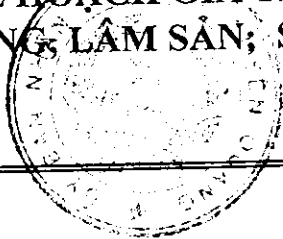


STT	Tên dự án	Địa điểm	Công suất	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
I	Công nghiệp chế biến nông, lâm nghiệp				
1	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy gỗ ván ép	KCN Long Bình An	20.000 m ³ sp/năm	90,3	2016
2	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến gỗ Long Bình An	KCN Long Bình An	150.000 m ³ /năm	500 tỷ VNĐ	2016-2019
3	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến ván dăm Tuyên Quang	Xã Thái Bình, Huyện Yên Sơn	30.000 m ³ sản phẩm/năm	60,1	2016
4	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất viên gỗ nén	Xã Hoàng Khai, Huyện Yên Sơn	36 ngàn m ³ sản phẩm/năm	35,7	GĐI:2016 GĐII: 2017
5	Nâng công suất Nhà máy sản xuất mía đường	Huyện Hàm Yên	4.000-6.000 tấn mía/ngày		GĐI:2016-2018 GĐII:2019-2020
6	Nhà máy chế biến gỗ Đông Dương	Cụm CN Tân Thành	5.000m ³ sp/năm	66.3	2009-2016
7	Nhà máy sản xuất ván ép nhân tạo MDF	KCN Long Bình An	30.000 m ³ sản phẩm/năm	178	2016-2020
8	Nhà máy sản xuất đồ gỗ dân dụng	KCN Long Bình An	40.000 sp/năm	2.000.000 USD	2016-2020
9	Nhà máy chế biến chè san tuyết Shan	Huyện Na Hang	5.000 tấn búp chè tươi/năm	2.000.000 USD	2016-2020
10	Nhà máy sản xuất rượu	Huyện Na Hang	4,8 triệu lít/năm		2016-2020
11	Nhà máy chế biến nước cam	Huyện Hàm Yên	20.000 tấn/năm	3.000.000 USD	2016-2020

12	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi	Phúc ứng, huyện Sơn Dương	200.000 tấn/năm	40 tỷ VNĐ	2016-2017
13	Nhà máy chế biến thức ăn gia súc	KCN Long Bình An			2016-2020
14	Nhà máy chế biến nông sản	Cụm CN An Thịnh	9.000 tấn sp/năm	3.000.000 USD	2016-2020
II	Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng				
1	Nhà máy Kaolin-Felspat	Thành Long, huyện Hàm Yên	250.000 tấn/năm	40	2016-2017
2	Các Nhà máy Kaolin-Felspat	Huyện Sơn Dương		100	2016-2020
3	Cơ sở sản xuất bê tông bọt để sản xuất các sản phẩm gạch bloc, tấm panen cách âm, cách nhiệt	Khu, cụm công nghiệp			2016-2020
4	Nhà máy bê tông ly tâm	TP Tuyên Quang	30.000m ³ /năm	30	2016-2020
5	Dự án khai thác đá xây dựng	Các huyện, thành phố	2,2 triệu m ³	100	2016-2020
6	Dự án khai thác cát, sỏi xây dựng	Các huyện, thành phố	2,12 triệu m ³		2016-2020
7	Nhà máy sản xuất Polyme composit	KCN Long Bình An	30 ngàn m ³ /năm	2.000.000 USD	2016-2020
8	Nhà máy sản xuất gạch lát tự chèn	KCN Long Bình An	50.000 m ² /năm	1.000.000 USD	2016-2020
9	Nhà máy sản xuất gạch không nung	KCN Long Bình An	15 triệu viên/năm	2.500.000 USD	2016-2020
10	Nhà máy sản xuất gạch không nung	KCN Sơn Nam	90 triệu viên/năm	12.000.000 USD	2016-2020
11	Nhà máy sản xuất gạch không nung	Cụm CN An Thịnh	90 triệu viên/năm	12.000.000 USD	2016-2020
12	Nhà máy sản xuất gạch không nung	Bình Xa, huyện Hàm Yên	15 triệu viên/năm		2016-2020
13	Nhà máy gạch Tuynel	Thái Sơn, huyện Hàm Yên			2016-2020
14	Nhà máy sản xuất gạch Terrazzo	Tràng Đà, TP Tuyên Quang	15 triệu viên/năm	4.500.000 USD	2016-2020
15	Nhà máy sản xuất tấm nhựa	KCN Long Bình An	200 ngàn m ² /năm	2.000.000 USD	2016-2020

16	Nhà máy bê tông đúc sẵn	KCN Sơn Nam	150.000 tấn/năm	2.500.000 USD	2016-2020
17	Nhà máy bột đá siêu mịn	KCN Sơn Nam	150.000 tấn/năm	1.500.000 USD	2016-2020
18	Nhà máy sản xuất đá xẻ ốp lát	KCN Long Bình An	1 triệu m ² /năm	2.000.000 USD	2016-2020
III	Công nghiệp hỗ trợ, cơ khí, luyện kim				
1	Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang	xã Bình xa, huyện Hàm Yên	25 MW	355	2016
2	Nhà máy cơ khí lắp ráp và chế tạo	KCN Long Bình An	2 triệu sp/năm	20.000.000 USD	2016-2020
3	Nhà máy sản xuất, lắp ráp điện tử	KCN Long Bình An	2 triệu sản phẩm/năm	5.000.000 USD	2016-2020
4	Nhà máy sản xuất Ấc quy	Khu CN Long Bình An	600.000kW	352	2016-2020
5	Nhà máy sản xuất sơn công nghiệp	KCN Long Bình An	50.000 tấn/năm	3.000.000 USD	2016-2020
6	Nhà máy sản xuất bao bì				2016-2020
7	Nhà máy sản xuất nhựa Polyme				2016-2020

**PHỤ LỤC 3 KẾ HOẠCH GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP VÀ SẢN PHẨM CHỦ YẾU CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP
CHẾ BIẾN NÔNG, LÂM SẢN; SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**



ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước Thực hiện 2015	Mục tiêu kế hoạch đến 2020	Dự kiến kết quả đạt được 2020					Tốc độ tăng trưởng bình quân năm (%)
					KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020	
1	Giá trị SXCN theo giá so sánh năm gốc 2010	Tỷ đồng	10.261,2	17.600,0	12.200,0	12.684,2	14.106,4	15.667,1	17.600,0	11,39
	Trong đó: + Công nghiệp chế biến nông lâm sản	Tỷ đồng	4.604,8	5.949,1	4.929,6	5.190,0	5.248,0	5.670,7	5.949,1	5,26
	+ Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng	Tỷ đồng	1.607,0	2.430,5	1.929,2	2.005,6	2.335,8	2.428,3	2.430,5	8,63
	+ Công nghiệp gia công cơ khí, lắp ráp điện tử	Tỷ đồng	1.186,4	4.868,0	1.289,2	2.726,8	3.443,3	4.046,2	4.868,0	32,63
	+	Tỷ đồng								
2	Sản phẩm chủ yếu									
	- Bột giấy	tấn	123.135	70.000	55.000	70.000	70.000	70.000	70.000	
	- Xi măng	tấn	865.130	1.150.000	1.050.000	1.150.000	1.150.000	1.150.000	1.150.000	
	- Đường kính	tấn	47.933	80.000	60.000	60.000	60.000	80.000	80.000	
	- Chè chế biến các loại	tấn	13.375	13.645	13.300	12.603	12.645	13.205	13.645	
	- Giấy trắng phần cao cấp, giấy in, viết	tấn	76.696	140.000	100.000	140.000	140.000	140.000	140.000	
	- Gang	tấn	15.000	-	-	180.000	180.000	-	-	
	- Phôi thép	tấn	-	100.000	-	-	-	100.000	100.000	
	- Siniconmangan	tấn	4.696	17.000	4.000	17.000	17.000	17.000	17.000	
	- Thép cán	tấn	-	15.000	12.000	12.000	13.000	14.000	15.000	

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước Thực hiện 2015	Mục tiêu kế hoạch đến 2020	Dự kiến kết quả đạt được 2020					Tốc độ tăng trưởng bình quân năm (%)
					KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020	
	- Bột Barite	tấn	76.520	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	
	- Bột Feldspar	tấn	272.179	470.000	315.000	420.000	470.000	470.000	470.000	
	- Gạch chi A + B	Triệu viên	223	224	232	214	217	220	224	
	- Giấy xuất khẩu	Tấn	7.396	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	
	- Gỗ tinh chế	m3	3.707	22.000	4.160	8.000	10.000	17.000	22.000	
	- Thiếc thời	Tấn	42	200	100	125	150	200	200	
	- Antimon thời	Tấn	70	800	500	800	800	800	800	
	- Kẽm kim loại	Tấn	-	20.000	-	20.000	20.000	20.000	20.000	
	- Dự án nhà máy sản xuất bia thành phố Tuyên Quang	1000 lít		25.000	-	-	-	15.000	25.000	
	- Dự án nhà máy chế biến nước hoa quả Hàm Yên	Tấn		10.000	-	-	-	5.000	10.000	
	- Dự án nhà máy thủy sản đông lạnh Na Hang	Tấn		1.000	-	-	-	500	1.000	
	- Dự án ván dán ép các loại	m3		62.000	-	62.000	62.000	62.000	62.000	
	- Dự án viên gỗ xuất khẩu	Tấn		120.000	42.000	120.000	120.000	120.000	120.000	
	- Dự án nhà máy sản xuất viên nén vỏ cây	Tấn	140	15.000	-	15.000	15.000	15.000	15.000	
	- Dự án nhà máy sản xuất sơn công nghiệp Long Bình An	Tấn		50.000	-	-	15.000	30.000	50.000	
	- Dự án nhà máy sản xuất ắc quy Long Bình An	1000 sp		600	-	-	-	200	600	
	- Dự án nhà máy sản xuất tấm nhựa Long Bình An	1000 m2		200	-	-	100	150	200	
	- Dự án nhà máy sản xuất gạch lát tự chèn Long Bình An	1000 m2		50	-	50	50	50	50	
	- Dự án gạch không nung Long Bình An	Triệu viên		15	-	10	15	15	15	

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước Thực hiện 2015	Mục tiêu kế hoạch đến 2020	Dự kiến kết quả đạt được 2020					Tốc độ tăng trưởng bình quân năm (%)
					KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020	
	- Dự án bột đá siêu mịn	tấn		150.000	-	-	70.000	150.000	150.000	
	- Dự án đá xẻ ốp lát Long Bình An	1000 m2		1.000	-	500	1.000	1.000	1.000	
	- Dự án bê tông đúc sẵn Sơn Nam	1000 m3		150	-	-	100	120	150	
	- Nhà máy lắp ráp điện tử	1000 sp		6.000		3.000	5.000	6.000	6.000	